

Số: **5009**/QĐ-BNN-QLCL

Hà Nội, ngày **21** tháng **12** năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thay thế lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản,

**QUYẾT ĐỊNH:**

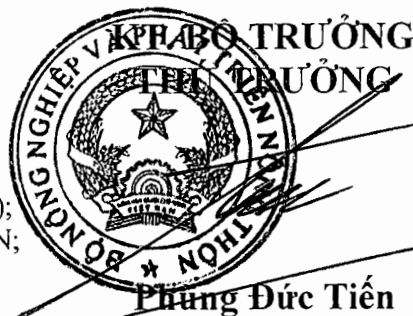
**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thay thế lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 12 năm 2018.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cơ quan, Thủ trưởng các Tổng cục, Cục, Vụ, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Cục KSTTHC (VPCP);
- Văn phòng Bộ (Phòng Kiểm soát TTHC);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ (bản PDF);
- Cổng thông tin điện tử của Bộ, Báo Nông nghiệp VN;
- Trung tâm tin học và thống kê;
- Lưu: VT, QLCL. (10)



**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ THAY THẾ LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG SẢN VÀ THỦY SẢN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5009/QĐ-BNN-QLCL ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1.	BNN-288271	Cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm cho lô hàng thực phẩm thủy sản xuất khẩu sản xuất tại các cơ sở trong danh sách ưu tiên	Thông tư 16/2018/TT-BNNPTNT ngày 29/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về kiểm tra, chứng nhận ATTP thủy sản xuất khẩu, Thông tư số 02/2017/TT-BNNPTNT ngày 13/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản
2.	BNN-288272	Cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm cho lô hàng thực phẩm thủy sản xuất khẩu sản xuất tại các cơ sở ngoài danh sách ưu tiên	Thông tư 16/2018/TT-BNNPTNT ngày 29/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về kiểm tra, chứng nhận ATTP thủy sản xuất khẩu, Thông tư số 02/2017/TT-BNNPTNT ngày 13/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản
3.	BNN-288273	Cấp lại Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm cho lô hàng thực phẩm thủy sản xuất khẩu	Thông tư 16/2018/TT-BNNPTNT ngày 29/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về kiểm tra, chứng nhận ATTP thủy sản xuất khẩu, Thông tư số 02/2017/TT-BNNPTNT ngày 13/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản

*Ph*

**2. Danh mục thủ tục hành chính thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
<b>TTHC cấp Trung ương</b>						
1.	BNN-288269	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thủy sản có xuất khẩu	Thẩm định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm cơ sở sản xuất kinh doanh thủy sản có xuất khẩu	Thông tư 16/2018/TT-BNNPTNT ngày 29/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về kiểm tra, chứng nhận ATTP thủy sản xuất khẩu, Thông tư số 02/2017/TT-BNNPTNT ngày 13/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản

*Ph*

**PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH  
VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN THUỘC  
PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT  
TRIỂN NÔNG THÔN**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG**

**I. Tên thủ tục hành chính: Thẩm định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm cơ sở sản xuất kinh doanh thủy sản có xuất khẩu**

**1. Trình tự thực hiện**

Bước 1: Cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản có xuất khẩu sang các quốc gia, vùng lãnh thổ có yêu cầu lô hàng được cấp chứng thư bởi Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản lập và gửi hồ sơ đăng ký kiểm tra cho Cơ quan thẩm định.

Bước 2: Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của Cơ sở, Cơ quan thẩm định phải thẩm xét tính hợp lệ của hồ sơ, hướng dẫn Cơ sở bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định.

Bước 3: Nếu hồ sơ hợp lệ, trong thời gian 03 ngày làm việc, Cơ quan thẩm định thông báo cho Cơ sở thời điểm dự kiến tiến hành thẩm định tại Cơ sở nhưng không muộn quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Bước 4: Cơ quan thẩm định tiến hành thẩm định tại cơ sở.

Bước 5: Trong thời gian không quá 06 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thẩm định, Cơ quan thẩm định thẩm tra Biên bản thẩm định và thực hiện như sau:

a) Trường hợp thẩm định cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm, bổ sung Danh sách xuất khẩu:

- Đối với Cơ sở có kết quả đạt (hạng 1, hạng 2 và hạng 3): thông báo kết quả; cấp mã số theo Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013; bổ sung vào Danh sách xuất khẩu, tổng hợp đề nghị Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu bổ sung vào Danh sách cơ sở được phép xuất khẩu sang thị trường tương ứng; cấp Giấy chứng nhận ATTP theo mẫu quy định tại Phụ lục VIA ban hành kèm theo Thông tư 16/2018/TT-BNNPTNT ngày 29/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về kiểm tra, chứng nhận ATTP thủy sản xuất khẩu, Thông tư số 02/2017/TT-BNNPTNT ngày 13/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT đối với cơ sở không thuộc diện miễn cấp quy định tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định 15/2018/NĐ-CP.

- Đối với Cơ sở có kết quả không đạt (hạng 4): thông báo kết quả, yêu cầu Cơ sở thực hiện và gửi Báo cáo kết quả khắc phục sai lỗi; thu hồi Giấy chứng nhận ATTP còn hiệu lực (nếu có).

b) Trường hợp thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện an toàn thực phẩm (cơ sở đã có tên trong Danh sách xuất khẩu, bổ sung thị trường xuất khẩu, sửa chữa, nâng cấp điều kiện bảo đảm ATTP) :

- Đối với Cơ sở có kết quả đạt (hạng 1, hạng 2 và hạng 3): thông báo kết quả; tổng hợp đề nghị Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu cập nhật thông tin;

- Đối với cơ sở có kết quả không đạt (hạng 4): thông báo kết quả, yêu cầu Cơ sở thực hiện và báo cáo kết quả khắc phục các sai lỗi, thu hồi Giấy chứng nhận ATTP còn hiệu lực (nếu có). Tùy theo mức độ sai lỗi của Cơ sở, Cơ quan thẩm định quyết định thời hạn khắc phục nhưng không quá 03 tháng kể từ ngày thẩm định để tổ chức thẩm định đánh giá định kỳ lần tiếp theo.

## **2. Cách thức thực hiện**

Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau:

- Trực tiếp;
- Theo đường bưu điện;
- Fax, có xác nhận qua điện thoại;
- Thư điện tử;
- Đăng ký trực tuyến.

## **3. Thành phần, số lượng hồ sơ**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- (1) Giấy đăng ký thẩm định điều kiện ATTP.
- (2) Báo cáo hiện trạng (cơ sở vật chất, trang thiết bị, hệ thống bảo đảm ATTP) của Cơ sở.
- (3) Đối với các cơ sở đăng ký thẩm định cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm, bổ sung Danh sách xuất khẩu sau khi khắc phục sai lỗi của lần kiểm tra, thẩm định trước đó: Hồ sơ chỉ gồm 01 Báo cáo kết quả khắc phục các sai lỗi.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

## **4. Thời hạn giải quyết**

a) Xử lý hồ sơ đăng ký:

- Thẩm xét tính hợp lệ của hồ sơ: Trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc.
- Thông báo kết quả xử lý hồ sơ: Trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ;

b) Kiểm tra, thẩm định tại cơ sở: Trong thời gian 07 (bảy) ngày làm việc.

c) Xử lý kết quả kiểm tra, thẩm định và cấp giấy chứng nhận: Trong thời gian 06 (sáu) ngày làm việc.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

## **6. Cơ quan thực hiện TTHC**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản.
- d) Cơ quan phối hợp: Không

## **7. Kết quả thực hiện TTHC**

a) Trường hợp thẩm định cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm, bổ sung Danh sách xuất khẩu:

- Đối với Cơ sở có kết quả đạt: Thông báo kết quả đạt cho cơ sở; cấp mã số; bổ sung vào Danh sách xuất khẩu, tổng hợp đề đề nghị Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu bổ sung vào Danh sách cơ sở được phép xuất khẩu sang thị trường tương ứng; cấp Giấy chứng nhận ATTP (thời hạn có hiệu lực: 03 năm theo quy định của Luật ATTP).

- Đối với Cơ sở có kết quả không đạt: Thông báo kết quả không đạt cho Cơ sở và yêu cầu Cơ sở thực hiện và gửi Báo cáo kết quả khắc phục sai lỗi; thu hồi Giấy chứng nhận ATTP còn hiệu lực (nếu có).

b) Trường hợp thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện an toàn thực phẩm (cơ sở đã có tên trong Danh sách xuất khẩu, bổ sung thị trường xuất khẩu, sửa chữa, nâng cấp điều kiện bảo đảm ATTP):

- Đối với Cơ sở có kết quả đạt: Thông báo kết quả đạt cho cơ sở; tổng hợp đề đề nghị Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu cập nhật thông tin.

- Đối với Cơ sở có kết quả không đạt: Thông báo kết quả không đạt cho Cơ sở và yêu cầu Cơ sở thực hiện và báo cáo kết quả khắc phục các sai lỗi, thu hồi Giấy chứng nhận ATTP còn hiệu lực (nếu có).

#### **8. Phí, lệ phí**

- Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản do Cơ quan kiểm tra trung ương thực hiện: 2.000.000 đồng/lần cấp;

- Phí thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện an toàn thực phẩm: 350.000 đồng/lần cấp.  
*(theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp)*

#### **9. Tên mẫu đơn, tờ khai**

- Giấy đăng ký thẩm định điều kiện ATTP theo mẫu tại Phụ lục IIIA ban hành kèm theo Thông tư 16/2018/TT-BNNPTNT ngày 29/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về kiểm tra, chứng nhận ATTP thủy sản xuất khẩu, Thông tư số 02/2017/TT-BNNPTNT ngày 13/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT;

- Báo cáo hiện trạng (cơ sở vật chất, trang thiết bị, hệ thống bảo đảm ATTP) của Cơ sở theo mẫu tại Phụ lục IVA ban hành kèm theo Thông tư 16/2018/TT-BNNPTNT ngày 29/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về kiểm tra, chứng nhận ATTP thủy sản xuất khẩu, Thông tư số 02/2017/TT-BNNPTNT ngày 13/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT;

- Báo cáo kết quả khắc phục các sai lỗi theo mẫu tại Phụ lục VA ban hành kèm theo Thông tư 16/2018/TT-BNNPTNT ngày 29/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về kiểm tra, chứng nhận ATTP thủy sản xuất khẩu, Thông tư số 02/2017/TT-BNNPTNT ngày 13/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT đối với cơ sở có kết quả thẩm định cấp Giấy chứng nhận ATTP, bổ sung Danh sách xuất khẩu không đạt.

**10. Điều kiện thực hiện TTHC:** Không.

#### **11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Điều 2, 5, 6, 10 và 17 Thông tư 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định về kiểm tra, chứng nhận an toàn thực phẩm thủy sản xuất khẩu;

- Khoản 5, 6 Điều 1, khoản 3, 4 Điều 2 Thông tư 16/2018/TT-BNNPTNT ngày 29/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về kiểm tra, chứng nhận ATTP thủy sản xuất khẩu, Thông tư số 02/2017/TT-BNNPTNT ngày 13/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT.

**Phụ lục IIIA. MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ THẨM ĐỊNH ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2018/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 10 năm 2018  
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

**GIẤY ĐĂNG KÝ THẨM ĐỊNH ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

**Kính gửi:** .....

(Cơ quan thẩm định)

Căn cứ các quy định trong Thông tư quy định về chứng nhận an toàn thực phẩm xuất khẩu số 16/2018/TT-BNNPTNT ngày 29/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đơn vị chúng tôi:

Tên Cơ sở<sup>(1)</sup>:

Tên giao dịch thương mại tiếng Anh, tên viết tắt (nếu có):

Mã số của Cơ sở (nếu có):

Giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm ATTP (nếu có):

Địa chỉ:

Tên cơ sở (phân xưởng)<sup>(2)</sup> đề nghị thẩm định:

Địa chỉ:

Sau khi nghiên cứu kỹ các Quy định trong Quy chuẩn .....  
và đối chiếu với điều kiện thực tế của Cơ sở, đề nghị cơ quan thẩm định tiến hành  
thẩm định và làm thủ tục để cơ sở chúng tôi được:

- Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm ATTP:

- Đưa vào Danh sách xuất khẩu sang thị trường:.....

Chúng tôi xin gửi kèm sau đây hồ sơ đăng ký thẩm định gồm:

1. ....
2. ....
3. ....
4. ....
5. ....

**GIÁM ĐỐC (CHỦ) CƠ SỞ**

(Ký tên, đóng dấu)

<sup>1</sup> Tên Cơ sở/doanh nghiệp được ghi trong giấy phép kinh doanh.

<sup>2</sup> Ghi rõ tên Xí nghiệp hoặc Phân xưởng thuộc Cơ sở đăng ký thẩm định

**Phụ lục IVA. BÁO CÁO HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH THỦY SẢN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2018/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**Biểu 1. BÁO CÁO HIỆN TRẠNG**

**I. Thông tin chung**

1. Tên cơ sở (phân xưởng) đề nghị thẩm định:
2. Mã số của Cơ sở (nếu có):
3. Năm bắt đầu hoạt động:
4. Nhóm sản phẩm sản xuất:

**II. Tóm tắt hiện trạng điều kiện bảo đảm ATTP**

**1. Nhà xưởng**

- 1.1. Tổng diện tích các khu vực sản xuất : m<sup>2</sup> , trong đó:
  - 1.1.1. Khu vực tiếp nhận nguyên liệu: m<sup>2</sup>.
  - 1.1.2. Khu vực sơ chế, chế biến: m<sup>2</sup>.
  - 1.1.3. Khu vực cấp đông: m<sup>2</sup>.
  - 1.1.4. Khu vực kho lạnh: m<sup>2</sup>.

**2. Hệ thống phụ trợ:**

**2.1. Nguồn nước sử dụng cho khu vực sản xuất:**

- 2.1.1. Nguồn nước đang sử dụng:

Nước công cộng  Nước giếng khoan  , số lượng: , độ sâu m.

- 2.1.2. Phương pháp bảo đảm chất lượng nước cung cấp cho khu vực sản xuất (kể cả khu sản xuất nước đá)

- Hệ thống lắng lọc: Có  Không  Phương pháp khác  :
- Hệ thống bể chứa: Tổng dung tích dự trữ: m<sup>3</sup>.
- Hệ thống bể cao áp: Dung tích bể cao áp : m<sup>3</sup>.
- Hệ thống xử lý nước: Chlorine định lượng .Đèn cực tím .Khác .....

- 2.1.3 Nguồn nước đá:

- Tự sản xuất :
- Mua ngoài

**2.2. Hệ thống xử lý chất thải**

- 2.2.1. Nước thải: Mô tả tóm tắt hệ thống thoát, xử lý nước thải.
- 2.2.2. Chất thải rắn: Mô tả tóm tắt bảo quản, vận chuyển, xử lý...

**2.3. Nhà vệ sinh (dùng cho khu vực sản xuất)**

- Số lượng:

**2.4. Công nhân:**



- 2.4.1. Tổng số công nhân sản xuất: người, trong đó:
- Công nhân dài hạn: người.
  - Công nhân mùa vụ: người.
- 2.4.2. Kiểm soát sức khỏe người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm:
- Thời điểm kiểm tra sức khỏe ....
  - Số lượng người được kiểm tra: .....người.
  - Tên cơ quan thực hiện kiểm tra.....
- 2.4.3. Xác nhận kiến thức về ATTP:
- Thời điểm xác nhận:
  - Số người được xác nhận: người
  - Tên đơn vị tổ chức xác nhận:

**2.5. Hệ thống ngăn chặn và tiêu diệt côn trùng, động vật gây hại**

- 2.5.1. Biện pháp ngăn chặn và tiêu diệt côn trùng:
- 2.5.2. Biện pháp ngăn chặn và tiêu diệt động vật gây hại

**2.6. Danh mục hóa chất, phụ gia, chất tẩy rửa - khử trùng sử dụng tại Cơ sở:**

Tên hóa chất	Thành phần chính	Nước sản xuất	Mục đích sử dụng	Nồng độ

**3. Hệ thống quản lý chất lượng:**

3.1. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng tại Cơ sở:

HACCP:  GMP:  Khác:

Trường hợp khác, cần ghi cụ thể, ví dụ: ISO 22000, Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS), Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC), Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000) hoặc tương đương. Đồng thời, cung cấp thông tin về thời điểm hiệu lực của Giấy chứng nhận và đơn vị chứng nhận.

3.2. Tổng số cán bộ quản lý chất lượng (QC):.....người, trong đó:

Số cán bộ QC đã qua đào tạo về HACCP hoặc các chương trình quản lý chất lượng khác:.....người

3.3. Phòng kiểm nghiệm:

Của Cơ sở: Các chỉ tiêu có thể phân tích: .....

.....

Thuê ngoài

**4. Bảng tổng hợp kế hoạch HACCP cho nhóm sản phẩm tương tự: (Bảng biểu đính kèm)**

**GIÁM ĐỐC (CHỦ) CƠ SỞ**  
(Ký tên, đóng dấu)